

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 28 - 02 - 2019

V/v tranh chấp “Yêu cầu xin ly hôn; Tranh chấp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con; Chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hưng Dũng

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Lập
Ông Nguyễn Đức Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 12/2018/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc “Yêu cầu xin ly hôn; Tranh chấp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con; Chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Bà Trần Thị Quỳnh L, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, phường VH, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận.

2 - Bị đơn: Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Số 38 đường Trần Nhân Tông, phường TS, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận.

3 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Thanh T1, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 8, phường PM, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận.

4. Người kháng cáo Bị đơn ông Đỗ Thanh T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thanh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh Liên trình bày:

Bà và ông Đỗ Thanh T sống chung vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 179 ngày 04/11/2012 tại Ủy ban nhân dân phường VH, đến tháng 4/2013 mới tổ chức lễ cưới. Sau khi sống chung vợ chồng, bà và ông T sống không hạnh phúc, do ông T không quan tâm chăm sóc, tôn trọng bà. Vì vậy, bà và ông T không còn tình cảm vợ chồng, bà yêu cầu ly hôn ông T, yêu cầu nuôi con chung là Đỗ Thanh T2, sinh ngày 25/12/2013, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/4/2018, bà yêu cầu chia tài sản chung gồm:

- Căn nhà cấp 4 gắn liền 131 m² đất tọa lạc tại khu phố 8, phường PM, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân thành phố PR cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 460515 ngày 11/7/2017. Bà yêu cầu nhận bằng hiện vật là căn nhà gắn liền Thửa đất này để mẹ con bà có chỗ ở ổn định, đồng ý hoàn lại ½ trị giá tài sản này cho ông T.

- Lô đất số C6, tờ Bản đồ QH xã BP, huyện TB, tỉnh Ninh Thuận. Ngày 07/8/2018, bà có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản này.

Về nợ chung: Bà và ông T đã nợ BIDV - CN Ninh Thuận 250.000.000 đồng. Do Cơ quan bà không còn đủ lương quan BIDV - CN Ninh Thuận này nữa nên Ngân hàng này thông báo thu hồi nợ trước hạn. Ngày 24/5/2018, bà phải vay nợ để trả nợ BIDV - Ninh Thuận. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà thay đổi một phần yêu cầu chia nợ chung, chỉ yêu cầu tính nợ chung từ ngày 22/02/2018, cụ thể bà chỉ yêu cầu chia đôi nợ gốc số tiền còn lại là 241.188.696 đồng, không yêu cầu chia lãi.

- Bị đơn ông Đỗ Thanh T trình bày:

Ông đồng ý nội dung trình bày của Nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh L về quan hệ hôn nhân, về con chung với bà L. Ông đồng ý ly hôn với bà L, yêu cầu nuôi con chung, không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của bà L. Trường hợp Tòa án giao con cho bà L nuôi thì ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không đồng ý nội dung trình bày của bà L cho rằng Căn nhà cấp 4 gắn liền 131 m² đất tọa lạc tại khu phố 8, phường PM, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận là tài sản chung. Vì: Vào năm 2006, ông có mua 01 lô đất ở đường Trần Quang Diệu, phường TS. Ngày 23/3/2011, Nhà nước có quyết định thu hồi đất và bồi thường cho ông tổng cộng 119.000.000 đồng. Ngày 22/7/2014, Nhà nước giao lô đất số 36 (TM22) cho gia đình ông theo nhu cầu, giá 74.200.000 đồng. Tiền mua đất lấy từ tiền bồi thường đất nêu trên. Đến tháng 3/2017, ông bán lô đất 36 (TM22) này được 340.000.000 đồng. Hai ngày

sau, ông mua căn nhà cấp 4 gắn liền 131 m² đất tọa lạc tại khu phố 8, phường PM, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận, giá 330.000.000 đồng. Sau đó, ông tiếp tục sửa chữa căn nhà này chi phí 60.000.000 đồng. Tiền sửa chữa lấy từ tiền bồi thường đất và tiền bán đất. Vì vậy, ông không đồng ý chia Căn nhà cấp 4 gắn liền 131 m² đất tọa lạc tại khu phố 8, phường PM, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận.

Về nợ chung: Ông không biết khoản nợ 250.000.000 đồng như bà L trình bày. Năm 2016, bà L có vay 150.000.000 đồng để mua đất ở thôn LB, xã AH. Tháng 10/2017, bà L nói với ông vay 170.000.000 đồng. Sau khi vay về trả nợ cũ, có đưa cho ông 30.000.000 đồng để trả nợ. Sau đó, ông đưa lại cho bà L để chi tiêu gia đình hết. Hiện ông và bà L không có nợ chung.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thanh T1 trình bày:

Anh là con riêng của ông Đỗ Thanh T. Căn nhà cấp 4 gắn liền 131 m² đất tọa lạc tại khu phố 8, phường PM, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận là của anh. Vì trước đây, cha anh là ông T có tặng cho anh 01 lô đất tại khu K1, việc tặng cho chỉ nói miệng, không lập giấy tờ. Sau này, lô đất này bị giải tỏa, anh được Nhà nước cấp lô đất khác cũng ở tại khu K1. Do không có tiền làm nhà nên anh đã bán lô đất này giá 340.000.000 đồng để mua nhà và đất tại khu phố 8, phường PM, trên đất có 01 cái kho đựng đồ khoảng 5 m². Anh và ông T là người đứng ra giao dịch với chủ đất, giao tiền và làm giấy tờ. Mặc dù anh là người bỏ tiền ra mua nhưng ông T là người đứng tên trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh chưa đủ tuổi để đứng tên. Sau khi mua đất khoảng 01 tháng thì sửa chữa nhà chi phí khoảng 80.000.000 đồng là tiền của anh. Anh bắt đầu ở tại căn nhà và đất ở khu phố 8, phường PM từ tết Âm lịch năm 2018, trước đó bỏ trống, không ai ở.

Vì vậy, anh không đồng ý việc bà L yêu cầu chia căn nhà gắn liền đất tọa lạc tại khu phố 8, phường PM, thành phố PR này.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2018/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã quyết định:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 29, 33, 37, 51, 55, 59, 62, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh L về việc yêu cầu chia lô đất số C6 tờ Bản đồ QH xã BP, huyện TB, tỉnh Ninh Thuận. Bà L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Quỳnh L và ông Đỗ Thanh T.

- Về quan hệ con cái: Bà Trần Thị Quỳnh L được quyền trực tiếp nuôi con chung tên là Đỗ Thanh T2, sinh ngày 25/12/2013; Ông Đỗ Thanh T có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi cháu T2 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Thế đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản:

+ Bà Trần Thị Quỳnh L được quyền sử dụng 131 m² đất thuộc Thửa 165, tờ Bản đồ địa chính số 38 phường PM, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất số CG460515 ngày 11/7/2017 và được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ vật kiến trúc gắn liền nhà.

Nhà và đất có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp Thửa 166; Phía Tây giáp Thửa 32; Phía Bắc giáp đường; Phía Nam giáp Thửa 65, 66.

(Nhà đất trên hiện anh Đỗ Thanh T1 đang quản lý; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 460515 ngày 11/7/2017 hiện ông Đỗ Thanh T đang giữ).

+ Anh Đỗ Thanh T1 có trách nhiệm giao nhà đất trên cho bà Trần Thị Quỳnh L.

+ Ông Đỗ Thanh T phải giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 460515 ngày 11/7/2017 để bà L được làm thủ tục sang tên.

+ Bà L phải hoàn lại cho ông T phần chênh lệch chia tài sản chung, nợ chung là 79.405.652 đồng (Bảy mươi chín triệu bốn trăm lẻ năm nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, lãi suất chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 31/10/2018, Bị đơn ông Đỗ Thanh T làm đơn và nộp đơn kháng cáo cho Tòa án. Nội dung kháng cáo: Ông Đỗ Thanh T yêu cầu Tòa án xác định căn nhà gắn liền 131 m² đất tọa lạc tại Khu phố 8, phường PM, thành phố PR là tài sản riêng của ông; Khoản nợ Ngân hàng BIDV - CN Ninh Thuận 250.000.000 đồng là nợ riêng của bà Trần Thị Quỳnh L, không phải là nợ chung của ông T và bà L.

- Ngày 31/10/2018, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thanh T1 làm đơn và nộp đơn kháng cáo cho Tòa án. Nội dung kháng cáo: Anh Đỗ Thanh T1 yêu cầu Tòa án xác định căn nhà gắn liền 131 m² đất tọa lạc tại Khu phố 8, phường PM, thành phố PR là của anh T1, do cha anh là ông Đỗ Thanh T tặng cho.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định về: Thụ lý xét xử phúc thẩm, chuẩn bị xét xử phúc thẩm, triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 285, 286, 294 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực

hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ tài liệu, hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của Bị đơn ông T và không chấp nhận nội dung kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thanh T1; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Đơn kháng cáo của Bị đơn ông Đỗ Thanh T và Đơn kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thanh T1 làm trong hạn luật định nên được xem xét.

[2] **Về nội dung:** Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh L không rút đơn khởi kiện; Bị đơn ông Đỗ Thanh T không thay đổi, bổ sung, không rút đơn kháng cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thanh T1 không thay đổi, bổ sung, không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Yêu cầu xin ly hôn; Tranh chấp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con; Chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn” là đúng quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn ông Đỗ Thanh T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn; Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo hướng yêu cầu Tòa án xác định căn nhà gắn liền 131 m² đất tọa lạc tại Khu phố 8, phường PM, thành phố PR là tài sản riêng của ông; Khoản nợ Ngân hàng BIDV - CN Ninh Thuận 250.000.000 đồng là nợ riêng của bà Trần Thị Quỳnh L, không phải là nợ chung của ông T và bà L.

Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn ông Đỗ Thanh T. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Ông T và bà L kết hôn từ năm 2012. Lô đất số 36 (TM22), tờ Bản đồ QH phường TS, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận được Ủy ban nhân dân thành phố PR giao đất theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 22/7/2014. Ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh Lô đất số 36 (TM22) có được thông qua việc nộp tiền vào Nhà nước bằng tiền bồi thường thu hồi đất của ông; không được bà L thừa nhận vì bà L cho rằng số tiền nộp vào Nhà nước để nhận lô đất số 36 (TM22) là dùng tiền cưới của bà và ông T, cùng với tiền bà và ông T tích góp được. Vì vậy, đủ cơ sở xác định Lô đất số 36 (T22) là tài sản chung của ông T và bà L tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 33 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định: “ ... Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng.”

Mặc khác, Nguyên đơn bà L và Bị đơn ông T đều thừa nhận nguồn tiền nhận chuyển nhượng Căn nhà gắn liền 131 m² đất thuộc Thửa 165, tờ Bản đồ địa chính số 38 phường PM, thành phố PR là do chuyển nhượng lô đất số 36 (TM22), tờ Bản đồ QH phường TS, thành phố PR (Biên bản đối chất ngày 30/8/2018, BL 103) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/4/2017. Quá trình sử dụng Căn nhà gắn liền 131 m² đất thuộc Thửa 165, tờ Bản đồ địa chính số 38 phường PM, bà L đã vay tại BIDV - CN Ninh Thuận 250.000.000 đồng theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 02/10/2017 (BL 28) có nội dung: Bà L đề nghị Ngân hàng cấp tín chấp số tiền vay 250.000.000 đồng, mục đích sử dụng là cất nhà đường Trương Định, PM, ông T cũng biết việc vay vốn này và có ký tên tại mục Người thân người vay vốn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Căn nhà gắn liền 131 m² đất thuộc Thửa 165, tờ Bản đồ địa chính số 38 phường PM là tài sản chung của bà và ông T và khoản nợ 250.000.000 đồng là nợ chung của ông T và bà L trong thời kỳ hôn nhân là có cơ sở chấp nhận. Tính đến thời điểm ngày 22/02/2018, bà L và ông T bắt đầu sống ly thân, do BIDV - CN Ninh Thuận yêu cầu trả nợ trước thời hạn do Ngân hàng này không còn chuyển lương cho bà L nữa, nên bà đã tự vay nợ để trả nợ cho Ngân hàng số tiền còn lại 241.188.696 đồng. Bản án sơ thẩm buộc ông T phải hoàn lại ½ số tiền này cho bà L là có cơ sở.

Xét về nhu cầu chỗ ở: Hiện nay bà L đang nuôi con nhỏ là cháu Đỗ Thanh T2, sinh năm 2013, đang ở nhờ tại nhà mẹ đẻ của bà L nên bà L không có chỗ ở ổn định (Đơn xác nhận không có nhà ở ngày 05/5/2018, có xác nhận của UBND phường VH, BL 82). Ông T khai hiện nay ông đang ở tại căn nhà tại số 38 đường Trần Nhân Tông, thành phố PR (Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 30/8/2017, BL 101). Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/02/2019, thể hiện: Trên Thửa đất số 165, tờ Bản đồ địa chính số 38 phường PM có 01 căn nhà cấp 4B, mái lợp tôn, xà gồ sắt + gỗ, trần không đóng la phong, nền gạch ceramic, tường xây gạch, trụ gạch, cửa chính là cửa sắt thép kéo, cửa sổ là cửa gỗ, có diện tích 40 m² và mái hiên lợp tôn, cột sắt thép, xà gồ thép, có diện tích 14 m²; 01 cây sung, 02 cây đu đủ, 01 cây cam do ông T và bà L tạo lập. Đại diện Sở Xây dựng có ý kiến: Căn nhà cấp 4B này không thể chia tách thành hai phần cho 02 hộ dân ở. Vì nếu tách ra làm hai phần sẽ ảnh hưởng đến kết cấu, công năng sử dụng chung của căn nhà. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao toàn bộ căn nhà, mái hiên và cây trồng gắn liền 131 m² đất thuộc Thửa 165, tờ Bản đồ địa chính số 38 phường PM nêu trên cho bà L là phù hợp, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên về nhu cầu chỗ ở theo quy định tại khoản 6 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thanh T1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh;

Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm theo hướng yêu cầu Tòa án xác định căn nhà gắn liền 131 m² đất tọa lạc tại Khu phố 8, phường PM, thành phố PR là của anh T1, do cha anh là ông Đỗ Thanh T tặng cho.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm, anh T1 không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông T đã tặng cho anh Căn nhà gắn liền 131 m² đất thuộc Thửa đất số 165, tờ Bản đồ địa chính số 38 phường PM, thành phố PR nên không có cơ sở chấp nhận.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên.

Từ những phân tích, lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa; Không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Thanh T; Không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Đỗ Thanh T1, Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông T và anh T1 nên ông T và anh T1, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,
Không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Thanh T.

Không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Thanh T1.

Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 29, 33, 37, 51, 55, 59, 62, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh L về việc yêu cầu chia lô đất số C6 tờ Bản đồ QH xã BP, huyện TB, tỉnh Ninh Thuận. Bà L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Quỳnh L.

Bà Trần Thị Quỳnh L được ly hôn với ông Đỗ Thanh T.

- Về quan hệ con cái: Bà Trần Thị Quỳnh L được quyền trực tiếp nuôi con chung tên là Đỗ Thanh T2, sinh ngày 25/12/2013; Ông Đỗ Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T2 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản:

+ Bà Trần Thị Quỳnh L được quyền sử dụng 131 m² đất thuộc Thửa 165, tờ Bản đồ địa chính số 38 phường PM, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất số CG460515 ngày 11/7/2017 và được quyền sở hữu các tài sản trên Thửa 165, tờ Bản đồ địa chính số 38 phường PM, gồm: 01 căn nhà cấp 4B, mái lợp tôn, xà gồ sắt + gỗ, trần không đóng la phong, nền gạch ceramic, tường xây gạch, trụ gạch, cửa chính là cửa sắt thép kéo, cửa sổ là cửa gỗ, có diện tích 40 m² và mái hiên lợp tôn, cột sắt thép, xà gồ thép, có diện tích 14 m²; 01 cây sung, 02 cây đu đủ, 01 cây cam.

Nhà và đất có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp Thửa 166; Phía Tây giáp Thửa 32; Phía Bắc giáp đường; Phía Nam giáp Thửa 65, 66.

(Nhà đất trên hiện anh Đỗ Thanh T1 đang quản lý; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 460515 ngày 11/7/2017 hiện ông Đỗ Thanh T đang giữ).

+ Anh Đỗ Thanh T1 có trách nhiệm giao nhà đất trên cho bà Trần Thị Quỳnh L.

+ Ông Đỗ Thanh T phải giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 460515 ngày 11/7/2017 để bà L được làm thủ tục sang tên tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

+ Bà L phải hoàn lại cho ông T phần chênh lệch chia tài sản chung, nợ chung là 79.405.652 đồng (Bảy mươi chín triệu bốn trăm lẻ năm nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Trần Thị Quỳnh L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 3.970.000 đồng (Bằng chữ: Ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về phân chia tài sản chung nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai thu số 0015248 ngày 01/3/2018 và 10.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0015356 ngày 03/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. Hoàn lại cho bà Trần Thị Quỳnh L 6.030.000 đồng chênh lệch.

+ Ông Đỗ Thanh T phải chịu 3.970.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân chia tài sản chung và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

+ Bị đơn ông Đỗ Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017709 ngày 31/10/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ông Đỗ Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017708 ngày 31/10/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Anh Đỗ Thanh T1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND TP PR-TC;
- Chi cục THADS TP PR-TC;
- Phòng KTNV & THA;
- Phòng HC-TP;
- Lưu (HS-AV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hưng Dũng

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Lập

Nguyễn Đức Thành

Lê Hưng Dũng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hưng Dũng

